

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2023/DS- PT

Ngày: 14/4/2023

***“Tranh chấp Hợp đồng mua
bán tài sản”***

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hải Vinh

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Quyết

Ông Nguyễn Việt Hùng

Thư ký phiên toà: Bà Thân Thị Hải Minh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh
Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Đặng Văn Thìn –
Kiểm sát viên.

Ngày 14/4/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc
thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2023/TLPT- DS ngày 27 tháng 02 năm 2023 về
việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 12/01/2023 của Toà án
nhân dân huyện Lạng Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 64A/2023/QĐ-PT ngày
03/4/2023, giữa:

+ **Nguyên đơn:** Ông **Lê Công C**, sinh năm 1970 – (Có mặt).

Địa chỉ: **Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.**

+ **Bị đơn:** Ông **Tường Hữu K**, sinh năm 1969 - (Có mặt).

Địa chỉ: **thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.**

+ **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1975 – (Có mặt).

2. Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1969 – (Có mặt).

Địa chỉ: **Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.**

NỘI DUNG VỤ ÁN

- **Tại đơn khởi kiện ghi ngày 29/9/2022** và lời khai tiếp theo Nguyên đơn ông **Lê Công C** và người có quyền lợi liên quan bà **Nguyễn Thị H** trình bày:

Vợ chồng ông bà có làm nghề kinh doanh buôn bán thức ăn chăn nuôi nên nhiều năm liền vợ chồng ông **Tường Hữu K**, bà **Nguyễn Thị L** là người cùng thôn có đến gia đình ông mua cám thức ăn chăn nuôi về nuôi để làm ăn kinh doanh nuôi gà vịt, theo thỏa thuận thì cứ hết đàn trong khoảng 4 – 5 tháng thanh toán xong, tuy nhiên vợ chồng ông **K** không thực hiện đúng theo hợp đồng đã thỏa thuận, tính đến ngày 01/2/2014 ông **K** còn nợ lại ông bà số tiền 243.198.000 đồng, hai bên nhất trí tính lãi 240.000 đồng/tháng và ông **K** có cam kết trả hết trong năm 2016.. Nhưng do ông **K** vẫn không trả được cho ông bà nên đến ngày 02/5/2020 hai bên chốt sổ, phía ông **K** còn nợ lại gia đình ông bà tổng số tiền là 345.767.000 đồng.

Nay vợ chồng ông bà yêu cầu phía vợ chồng ông **Tường Hữu K** và bà **Nguyễn Thị L** phải thanh toán trả cho vợ chồng ông bà tổng số nợ gốc là 345.767.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 02/5/2020 đến ngày 14/12/2022 số tiền 80.389.000 đồng. Tổng cả tiền gốc và lãi là 426.156.000 đồng (Bốn trăm hai sáu triệu, một trăm năm sáu ngàn đồng) và ông yêu cầu vợ chồng ông **K** phải chịu khoản tiền lãi suất tiếp theo theo quy định của pháp luật.

Trước phiên tòa sơ thẩm ông **Lê Công C** và bà **Nguyễn Thị H** vẫn giữ nguyên các yêu cầu trên và trình bày: Ông bà vẫn nhất trí chỉ tính tiền lãi suất 9%/năm và giữ nguyên mốc tính lãi và số tiền lãi tại buổi hòa giải của Tòa án ngày 14/12/2022. Riêng về tiền án phí thì ông bà đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật, ai thua kiện người đó phải chịu tiền án phí.

- **Bị đơn: Tại biên bản lấy lời khai ghi ngày 22/11/2022 ông T Hữu Khẩn trình bày:** Ông và gia đình ông **C**, bà **H** là người cùng làng. Vợ chồng ông làm nghề chăn nuôi gà, quá trình chăn nuôi từ những năm 2007 ông có lấy cám thức ăn chăn nuôi của gia đình ông **C**. Hai bên thỏa thuận là sau một quy trình chăn nuôi được bán gà khoảng 4 tháng thì ông sẽ thanh toán trả tiền cho ông **C**, mỗi lần ông **C** chở cám đến gia đình ông thì ông có ký nhận vào sổ cho ông **C**. Nhưng do quá trình chăn nuôi không may gà bị chết không bán được nên ông không có tiền để thanh toán trả cho ông **C**. Ngày 01/2/2014 hai bên chốt sổ, ông còn nợ lại ông **C** số tiền 243.198.000 đồng và ông **C** nhất trí chỉ tính lãi trên số tiền 200.000.000 đồng với lãi suất 1,2%/tháng, thỏa thuận đến năm 2016 ông phải trả hết.

Sau khi chốt nợ thì ông vẫn tiếp tục lấy cám của gia đình ông **C** về chăn nuôi tiếp để lấy tiền trả cho ông **C** và cũng thỏa thuận cách thanh toán như trên. Đến ngày 02/5/2020 ông **C** chốt nợ, tổng số tiền vợ chồng ông còn nợ lại gia đình ông **C** là 345.747.000 đồng. Tuy nhiên do làm ăn thua lỗ, kinh tế khó khăn ông không trả được tiền cho ông **C**.

Nay ông xác nhận còn nợ lại ông C số nợ gốc 345.747.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 14/12/2022 số tiền 80.389.000 đồng. Tổng cả tiền gốc và lãi là 426.156.000 đồng (Bốn trăm hai sáu triệu, một trăm năm sáu ngàn đồng).

Trước phiên tòa sơ thẩm, ông K vẫn giữ nguyên các yêu cầu trên và trình bày: Tại buổi hòa giải ông nhất trí trả khoản tiền lãi suất như trên nhưng nay ông không nhất trí trả lãi cho vợ chồng ông C vì lý do ông đã phải chịu khoản tiền lãi trên đầu bao với số tiền 5.000đ/bao nên ông thay đổi lời khai.

+ **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan** Bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà là vợ của ông Tường Hữu K, gia đình bà có chăn nuôi gà nên có lấy cám gà nhà ông C từ rất nhiều năm. Tuy nhiên vì bà chỉ biết ký mà không biết đọc nên việc lấy bao nhiêu cám, việc thanh toán tiền như thế nào và còn nợ lại ông C bao nhiêu tiền thì bà không biết được mà việc giao dịch là giữa chồng bà ông K với vợ chồng ông C, ông K tự làm tự quyết định hết. Nay ông K nói có nợ của vợ chồng ông C số tiền 345.747.000 đồng thì bà nhất trí cùng ông K trả tiền gốc này cho ông C, còn tiền lãi mà ông C yêu cầu thì bà không nhất trí trả vì khi lấy cám do nợ lại tiền nên vợ chồng bà đã phải lấy giá cao hơn giá bình thường là 5.000đ/bao nên bà không nhất trí trả tiền lãi.

Với nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 12/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang đã quyết định:

Căn cứ các Điều 430; Điều 434; Điều 440 và Điều 357 Bộ luật dân sự. Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Công C đối với ông Tường Hữu K và bà Nguyễn Thị L.

- Buộc ông Tường Hữu K và bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm liên đới thanh toán trả cho vợ chồng ông Lê Công C, bà Nguyễn Thị H số tiền gốc mua bán cám thức ăn chăn nuôi còn nợ lại là 345.767.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 14/12/2022 là 80.390.000 đồng. Tổng cả tiền gốc và lãi là 426.157.000 đồng (Bốn trăm hai sáu triệu, một trăm năm bảy ngàn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về về án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 16/01/2023, bị đơn ông Tường Hữu K1 kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 12/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang. Số tiền 345.767.000 đồng ông xin trả dần và không nhất trí tính lãi và chịu án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn ông **Tường Hữu K1** vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bị đơn trình bày: Vợ chồng ông có nợ gia đình ông **C** tiền cám là 345.747.000 đồng. Tuy nhiên do làm ăn thua lỗ, kinh tế khó khăn ông không trả được tiền cho ông **C**. Nay ông đề nghị được trả dần số tiền gốc và không đồng ý trả lãi đối với số tiền này

Nguyên đơn trình bày: Không đồng ý với kháng cáo của Bị đơn, đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà **Nguyễn Thị H** nhất trí với ý kiến của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà **Nguyễn Thị L** nhất trí với ý kiến của bị đơn.

+ Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông **Tường Hữu K**. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang. Ông **K** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của Bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Việc mua bán và thỏa thuận với nhau về thời hạn trả tiền giữa các bên là sự tự nguyện, phía ông **Tường H1** Khẩn khai lý do chưa trả được tiền cho vợ chồng ông **Lê Công C** là do làm ăn bị thua lỗ nên không có tiền để trả. Do hai bên không thống nhất được phương thức trả nợ nên ông **C** đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án, các bên đều thừa nhận còn nợ đúng số nợ gốc mà hai bên đã chốt sổ, thừa nhận trong tất cả các giấy tờ ghi sổ, chốt sổ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự, bị đơn ông **Tường Hữu K** có ý kiến đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền gốc mua bán cám thức ăn chăn nuôi còn nợ lại là 345.767.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 14/12/2022 là 80.390.000 đồng. Mặc dù bà **Nguyễn Thị L** không đồng ý trả tiền lãi cho ông **C**, nhưng bà **L** cũng không nộp cho Tòa án được chứng cứ nào thể hiện việc ông **C** tính lãi suất trên đầu bao, vì ông **C** không ép buộc vợ chồng bà phải lấy cám của ông **C** mà đây là sự tự nguyện lựa chọn nhà kinh doanh và do

thời gian thực hiện hợp đồng trả tiền của phía ông K không đúng với thời gian hứa trả tiền trong các lần chốt nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của vợ chồng ông C. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị L cũng không có yêu cầu kháng cáo đối với nội dung nào của bản án dân sự sơ thẩm.

Ông Tường Hữu K đề nghị được trả dần số nợ gốc 345.767.000 đồng và không đồng ý trả lãi, xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đều không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Phía nguyên đơn ông Lê Công C và bà Nguyễn Thị H đều không đồng ý để ông Tường H1 Khẩn trả dần số nợ gốc. Phía vợ chồng ông C, bà H vẫn yêu cầu được tính lãi với mức lãi suất 9%/năm thấp hơn hợp đồng các bên đã giao kết là 1,2%/tháng xét là phù hợp với quy định tại nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP Tòa án nhân dân Tối cao: “*Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm*” và khoản 3 Điều 440 của BLDS 2015. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía ông Lê Công C vẫn giữ nguyên yêu cầu và đề nghị HĐXX tính tiền lãi suất kể từ thời điểm hai bên chốt sổ lần cuối cùng vào ngày 02/5/2020 và ngày chốt tính lãi vào ngày Tòa án tiến hành hòa giải 14/12/2022 là 2 năm 7 tháng, cụ thể: $345.767.000 \times 9\% \times 2 \text{ năm } 7 \text{ tháng} = 80.390.000$ đồng tiền lãi. Tổng cả tiền gốc và lãi là 426.157.000 đồng (Bốn trăm hai sáu triệu, một trăm năm bảy ngàn đồng). Do đó, cần buộc vợ chồng ông K, bà L phải có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng ông C, bà H số tiền trên là có căn cứ.

Ông Tường Hữu K không chấp nhận chịu tiền án phí và cho rằng ông C, bà H là người làm đơn khởi kiện thì phải chịu án phí, xét thấy: Căn cứ Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định: “*2. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.*” Ông Tường Hữu K không thuộc một trong các trường hợp được miễn án phí Tòa án quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, do đó, ông K phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, ông K không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình.

Từ những đánh giá trên, không căn cứ chấp nhận kháng cáo của Bị đơn ông Tường Hữu K, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

[3] Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét, giải quyết các quyết định khác của bản án sơ thẩm mà không có kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Tường Hữu K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông **Tường Hữu K**. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 12/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Ông **Tường Hữu K** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0001000 ngày 16/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Xác nhận ông **K** đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang;
- Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hải Vinh